

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DSST

Ngày 08/9/2021

V/v: “Tranh chấp
đòi nợ phường”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2. Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp đòi nợ phường (họ) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 30/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Hoàng Liên, xã Hoàng An, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Sơn Quả 3, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông La Văn B, sinh năm 1966

- Chị La Thị T, sinh năm 1996

- Chị La Thị M, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Thôn Sơn Quả 3, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2020, tờ khai, bản tự khai, Biên bản lấy lời, nguyên đơn là chị Dương Thị P trình bày: Chị biết bà Lưu Thị M thông qua chị Lưu Thị Huân là người cùng xã giới thiệu nên chị đã tham gia chơi phường họ với bà M. Dây phường chị tham gia do bà M làm chủ phường gồm có 17 người chơi. Mỗi tháng chị đóng cho bà M 5.000.000 đồng. Trong thời gian từ ngày 27/01/2019 đến ngày 29/3/2020 âm lịch, chị đã đóng cho bà M được 15 tháng với

số tiền 75.000.000 đồng. Khi chị đóng họ cho bà M thì đều có ký nhận, bà M có nhà thì bà M ký, nếu không có nhà thì chồng bà M là ông B hoặc các con của bà M - ông B là chị T hoặc chị M ký nhận. Tuy nhiên, khi đến lượt chị được lấy phưởng thì bà M không trả đủ tiền cho chị, mới trả được 15.000.000 đồng. Vì vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu bà M phải trả cho chị số tiền gốc phưởng còn lại là 60.000.0000 đồng, chị tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn trình bày (không ghi ngày, tháng, năm viết) gửi cho Tòa án ngày 06/4/2021, bị đơn là bà Lưu Thị M thừa nhận có nợ tiền chị Dương Thị P, đồng thời bà trình bày đã trả cho chị P được số tiền 15.000.000đ. Nay do tình hình dịch bệnh, việc đi lại và kinh tế gia đình khó khăn, bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông La Văn B, chị La Thị T, chị La Thị M không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị P sửa đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chị yêu cầu ông La Văn B cùng phải có nghĩa vụ liên đới với bà M trong việc trả nợ cho chị số tiền 60.000.000đ vì ông B là chồng bà M có biết việc chị Chơi phưởng với bà M, nhiều lần nhận tiền do chị nộp. Bị đơn là bà Lưu Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn Thắng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 147; 227, 228, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị P, buộc bà Lưu Thị M phải trả cho chị Dương Thị P số tiền phưởng 60.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc bà Lưu Thị M phải chịu 3.000.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: mặc dù bị đơn là bà Lưu Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông La Văn B, chị La Thị T, chị La Thị M vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với họ.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đôi bên thể hiện việc các bên xác lập giao dịch chơi họ (phưởng)

với nhau. Bà M là chủ phường, nhận tiền đóng phường của tất cả những người tham gia chơi và có trách nhiệm thanh toán cho người chơi nào đến lượt được lĩnh. Tuy nhiên, do không có khả năng duy trì nên bà M đã không trả đủ tiền cho chị P khi chị P đến lượt lĩnh tiền phường, trong tổng số tiền 75.000.000đ chị P đóng gốc phường thì bà M mới trả cho chị P được 15.000.000đ. Nay chị P khởi kiện đòi số tiền gốc phường còn lại nên việc thụ lý quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi nợ phường (họ)” để áp dụng các quy định pháp luật tương ứng để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[3]. Xem xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị P yêu cầu ông La Văn B (chồng bà M) phải có nghĩa vụ liên đới. Do trước đó theo đơn khởi kiện, Tòa án đã xác định và đưa ông La Văn B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mặt khác, đối tượng khởi kiện (tiền nợ phường) không thay đổi nên việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền gốc phường 60.000.000đ: Theo các tài liệu, chứng cứ là các đơn trình bày, các tài liệu chứng minh việc chị P nộp tiền và bà M nhận tiền phường, đồng thời được bà M thừa nhận có nợ và đã thanh toán 1 phần nợ với chị P (thông qua đơn trình bày của bà M gửi đến Tòa án), có đủ cơ sở xác định chị P tham gia chơi 1 dây phường do bà M làm chủ. Tổng số tiền mà chị P đã nộp cho bà M là 75.000.000đ, tương ứng với 17 lần nộp (mỗi tháng nộp 1 lần với số tiền 5.000.000đ) nhưng đến khi phải trả tiền phường cho chị P thì bà M mới trả được 15.000.000đ. So với tiền gốc phường đã nộp thì bà M còn nợ chị P số tiền gốc phường là 60.000.000đ. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc đòi lại số tiền này, chị P tự nguyện không yêu cầu lãi xuất chậm trả nên không đặt ra xem xét.

[5]. Đối với yêu cầu của chị P về nghĩa vụ liên đới của ông La Văn B: Mặc dù việc chơi phường giữa bà M và những người chơi khác, trong đó có chị P đều do bà M trực tiếp thỏa thuận với những người chơi, không thể hiện việc ông B có thỏa thuận cùng tham gia, tuy nhiên, bà M và ông B là vợ chồng, vẫn chung sống cùng nhau, ông B biết và có tham gia vào việc nhận tiền của người chơi đến nộp. Vì vậy, có căn cứ xác định việc bà M tổ chức tham gia chơi phường và làm chủ phường mục đích được hưởng quyền lợi (tiền áp cái, hưởng hoa hồng) nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình, phát triển kinh tế chung của vợ chồng. Nay việc làm ăn gặp rủi ro, các khoản nợ phát sinh từ việc làm ăn phát triển kinh tế chung của vợ chồng thì cả hai vợ chồng ông bà đều phải liên đới trách nhiệm, cần buộc ông B có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả nợ cho chị P số tiền 60.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự.

[6]. Về án phí: Yêu cầu của chị P được chấp nhận nên bà M và ông B là bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị P tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 275, 280, 288, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về “Họ, họ, họ, họ, họ”; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị P, buộc vợ chồng bà Lưu Thị M – ông La Văn B phải liên đới trả cho chị Dương Thị P số tiền gốc phưởng còn lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí:

+ Bà Lưu Thị M và ông La Văn B phải liên đới nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người 1.500.000đ).

+ Trả lại cho chị Dương Thị P số tiền 1.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000657 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS Hiệp Hòa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà